

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hiệu lực từ 19/7/2024) quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-THPT ngày 25/8/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Giồng Riềng về Kế hoạch công khai trong hoạt động các nội dung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Trường THPT Giồng Riềng thông báo công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Số TT	Bộ phận/ Tổ CM	Nhân sự		Dạng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		T.số	Nữ				Th.S	DH	CD TC	Khác
1	Cán bộ quản lý	4	1	4	4		2	2		
2	Giáo viên	73	28	54	73		9	64		
2.1	Toán	12	1	7	12		3	9		
2.2	Lý	6	3	3	6		1	5		
2.3	Hóa	6	4	6	6		2	4		
2.4	Sinh-CN-MT	8	6	6	8		1	7		
2.5	Văn	9	5	9	9		1	8		
2.6	Sử-Địa-GDKTPL	10	4	8	10		0	10		
2.7	Tiếng Anh	9	2	5	9		1	8		

2.8	Tin học	6	3	4	6		0	6		
2.9	TD-GDQP	7	0	6	7		0	7		
3	Văn phòng	9	6	4	6	3	0	3	2	4
	Tổng cộng	86	35	62	83	3	11	69	2	4

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

+ Cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: 4/4, tỷ lệ 100%

+ Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 73/73, tỷ lệ 100%

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

+ Cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm: 4/4, tỷ lệ 100%

+ Giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm: 73/73, tỷ lệ 100%

+ Nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm: 9/9, tỷ lệ 100%

3.2. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

- Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

+ Diện tích khu đất xây dựng trường: 12,067 m²

+ Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 8,26 m²

+ Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: thừa 2,26 m²/ học sinh.

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Hạng mục	Số lượng hiện có	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
1	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	48	Đạt
1	Phòng học	36	Đạt
2	Phòng học bộ môn	9	Đạt
-	Tin học	2	
-	Ngoại ngữ	1	
-	Vật lý	1	
-	Hóa học	1	
-	Sinh học	1	
-	Công nghệ	1	

có thẩm quyền phê duyệt (đã đăng tải trên trang thông tin điện tử)

+ Số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: không.

3.3. Kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: kiểm định chất lượng cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2;

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (đã đăng tải trên trang thông tin điện tử).

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

+ Năm 2014: Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 1 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2014 của Sở GDĐT Kiên Giang

+ Năm 2019: Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 2 theo Quyết định số 602/QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2019 của Sở GDĐT Kiên Giang và công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định 1300/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang;

+ Năm 2024: Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 565/QĐ-SGDĐT ngày 03/6/2024 của Sở GDĐT Kiên Giang và công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định 1775/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: đã đăng tải trên trang thông tin điện tử.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Công khai website;
- CBQL-GV-NV trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dàm Thanh Lạc

-	Âm nhạc	1	
-	Mỹ thuật	1	
3	Khối phục vụ học tập	3	Đạt
-	Phòng Truyền thống	1	
-	Phòng Đoàn – Hội	1	
-	Thư viện	1	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	15	Đạt
1	Phòng hiệu trưởng	1	
2	Phòng phó hiệu trưởng	3	
3	Phòng văn thư (tiếp dân)	1	
4	Phòng kế toán	1	
5	Phòng thủ quỹ	1	
6	Phòng y tế	1	
7	Phòng tư vấn tâm lý	1	
8	Phòng nghỉ giữa giờ của GV	1	
9	Phòng thiết bị dùng chung	1	
10	Phòng công đoàn	1	
11	Phòng bảo vệ	1	
12	Phòng hội trường	1	
13	Phòng kho	1	
III	Các công trình, khối phòng chức năng khác		Đạt
1	Nhà xe giáo viên	200m ²	
2	Nhà xe học sinh	1000m ²	
3	Nhà vệ sinh (khu vực)	17	
4	Nhà đa năng	1	
5	Sân bóng đá cỏ nhân tạo	1	
6	Sân chơi, bãi tập	4000m ²	

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Hạng mục	Số lượng hiện có	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
1	Thiết bị dạy học lớp 10	1	Đạt
2	Thiết bị dạy học lớp 11	1	Đạt
3	Thiết bị dạy học lớp 12	1	Đạt

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan